TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2022/KDTM-ST
Ngày: 12 – 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Chính.

2. Ông Dương Văn Quí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLST–KDTM ngày 26/10/2020 về " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-DS ngày 20/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2022/QĐST-DS ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Đ; địa chỉ: 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: 68 đường Đ, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty T; địa chỉ: 113/5B ấp A, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Đinh Thị T – Chức danh: Giám đốc Công ty T.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Đình T; địa chỉ: 70/9B Khu phố A, phường T, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn Công ty Đ, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Công ty Đ do Công ty điện lực Hóc Môn đại diện (gọi tắt là Điện lực) và Công ty T (gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng mua bán điện số 17/002917 ngày 07/12/2017 cho mục đích sản xuất.

Ngày 21/11/2019, khi ghi chỉ số điện năng tiêu thụ hàng tháng thì phát hiện điện kế hư, không ghi được chỉ số. Ngày 25/11/2019, Điện lực lập biên bản điều tra sự cố điện kế và lập biên bản kiểm tra treo tháo thiết bị đo đếm ghi nhận: đồng hồ điện kế không hiển thị chỉ số, khách hàng vẫn có điện sản xuất bình thường.

Điện lực đã tính tiền điện tháng 11/2019 đối với Công ty theo mức bình quân ngày của 03 chu kỳ sử dụng điện liền kề trước đó nhân với số ngày sử dụng điện tính từ ngày 22/10/2019 đến 25/11/2019 nên tiền điện tháng 11/2019 (kỳ 12/2019, từ ngày 22/10 đến ngày 21/11/2019) là 50.779.603 đồng, tiền điện từ ngày 22/11 đến 25/11/2019 được cộng dồn vào kỳ tiếp theo. Điện lực đã có Thông báo chi tiết cách tính tiền truy thu tại văn bản số 3415/PCHM-DVKH ngày 06/12/2019, Văn bản số 3693/PCHM-DVKH ngày 24/12/2019 gửi cho Công ty. Trong các văn bản này đã thể hiện cụ thể các nội dung liên quan nhưng đến nay Công ty chưa thanh toán số tiền này cho Điện lực

Vì vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán tiền điện tháng 11/2019 (kỳ hóa đơn 12/2019) là 50.779.603 đồng.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty T, có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đình T trình bày:

Công ty Đ và Công ty T có ký kết hợp đồng mua bán điện số 17/002917 ngày 07/12/2017 cho mục đích sản xuất.

Theo biên bản do Điện lực lập ngày 25/11/2019 thể hiện hệ thống thông báo đo đếm điện bị hư nhưng công tơ điện vẫn hoạt động (công ty vẫn có điện sản xuất). Điện lực xác định điện kế được phát hiện hư hỏng vào ngày 21/11/2019 là không có cơ sở pháp lý.

Theo quy định Điều 20 Nghị định số 137 ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định và theo quy định của hợp đồng mua bán cho mục đích sản xuất: Hệ thống thiết bị đo đếm bị hư hỏng làm công tơ điện ngừng hoạt động, thì số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất trong trường hợp công tơ không lưu lại được thời điểm ngừng hoạt động.

Điện lực tính toán để đưa ra số tiền điện Công ty phải nộp 50.779.603 đồng là không đúng quy định, do xác định sai thời điểm ghi chỉ số công tơ gần nhất. Ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất trong trường hợp này phải được xác định là ngày 21/11/2019. Điện lực làm sai thì phải chịu trách nhiệm, Công ty không có trách nhiệm phải gánh chịu những thiệt hại xảy ra do cái sai không do mình gây ra. Công ty không chấp nhận cách tính tiền điện của Điện lực, Công ty chỉ đồng ý tính tiền điện sử dụng tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 25/11/2019 nhân với bình quân điện năng tiêu thụ của 03 chu kỳ sử dụng điện liền kề trước đó.

Vì vậy, Công ty T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của Công ty

Đ, không đồng ý thanh toán số tiền 50.779.603 đồng của tháng 11/2019 theo yêu cầu của Điện lực .

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay tổng số tiền điện còn nợ tháng 11/2019 (kỳ 12/2019), từ ngày 22/10/2019 đến 21/11/2019 là 50.779.603 đồng, theo hóa đơn tiền điện số 3161854. Đây là tiền điện Công ty phải thanh toán được tính theo mức bình quân ngày của 03 chu kỳ sử dụng điện liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng điện, theo các văn bản tính toán cụ thể mà nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Bị đơn không đồng ý thanh toán tiền điện kỳ 12/2019 từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/11/2019, số tiền 50.779.603 đồng, với lý do nguyên đơn xác định sai ngày ghi chỉ số công tơ gần nhất (phải là ngày 21/11/2019 chứ không phải ngày 21/10/2019), căn cứ tính tiền điện không đúng (bình quân 03 chu kỳ sử dụng điện liền kề là 9, 10, 11 chứ không phải 8,9,10), pháp luật không có quy định để áp dụng cho trường hợp của bị đơn. Bị đơn đồng ý thanh toán tiền điện sử dụng tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 25/11/2019 nhân với bình quân điện năng tiêu thụ ngày của 03 chu kỳ sử dụng điện liền kề trước đó.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chưa thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định không ghi được chỉ số điện năng tiêu thụ tháng 11/2019 do công tơ điện bị hư hỏng, công tơ điện được khắc phục vào ngày 25/11/2019, khách hàng sử dụng điện vẫn có điện sản xuất bình thường. Nguyên đơn tính tiền điện theo điện năng bình quân ngày của 03 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó, nhân với số ngày thực tế sử dụng điện của tháng 11/2019 để ra số tiền điện phải thanh toán 50.779.603 đồng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực. Căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền điện theo hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất; Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1

Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Xét yêu cầu thanh toán tiền điện còn nợ 50.779.603 đồng:

[2.1] Hợp đồng đã ký: theo Hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất số 17/002917 ngày 07/12/2017, mã khách hàng PE08000309883, xác định nguyên đơn đã cung cấp điện phục vụ mục đích sản xuất cho bị đơn tại địa chỉ 113/5B ấp A, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh, phù hợp quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015, Điều 22 Luật điện lực.

[2.2] Căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp: Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, quy định : *"Trường hợp bên mua điện sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động, tiền điện phải thanh toán được tính theo điện năng bình quân ngày của 03 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó nhân với số ngày thực tế sử dụng điện. Số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ thời điểm công tơ ngừng hoạt động được lưu lại trong bộ nhớ của công tơ điện hoặc từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất trong trường hợp công tơ điện không lưu lại được thời điểm ngừng hoạt động đến ngày hệ thống thiết bị đo đếm điện được phục hồi hoạt động."*

[2.3] Tình trạng công tơ điện: Biên bản điều tra sự cố điện, Biên bản kiểm tra treo tháo thiết bị đo đếm do Điện lực lập ngày 25/11/2019, có xác nhận của bà Đinh Thị T là đại diện theo pháp luật của bị đơn, thể hiện: màn hình điện kế không hiển thị các thông số kỹ thuật, không đọc được số điện kế, khách hàng vẫn có điện sản xuất bình thường. Biên bản ghi nhận tình trạng công tơ do Điện lực lập ngày 29/11/2019, xác định: màn hình công tơ không hiển thị, công tơ không kết nối được với máy vi tính, không đọc được các chỉ số trong bộ nhớ. Các bên không thắc mắc, khiếu nại gì về các nội dung có liên quan. Vì vậy, đây thuộc trường hợp bên mua điện sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động, bộ nhớ của công tơ điện không lưu lại số liệu tại thời điểm công tơ ngừng hoạt động.

[2.4] Xác định ngày hệ thống thiết bị đo đếm điện được phục hồi hoạt động: Hai bên xác nhận điện kế hư hỏng đã được thay thế vào ngày 25/11/2019 nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, xác định ngày hệ thống thiết bị đo đếm điện được phục hồi hoạt động là ngày 25/11/2019.

[2.5] Xác định ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất:

Do công tơ điện bị hư hỏng, không xác định được thời điểm ngừng hoạt động được lưu lại trong bộ nhớ như nhận định tại mục [2.3] nên số ngày thực tế sử dụng điện được tính từ ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất.

Hai bên thống nhất mỗi tháng ghi chỉ số công tơ điện 01 lần vào ngày 21. Theo nguyên đơn ngày 21/11/2019 không ghi được chỉ số điện do công tơ bị hư

hỏng là phù hợp với Biên bản điều tra sự cố điện, Biên bản kiểm tra treo tháo thiết bị đo đếm đã được lập có sự thống nhất xác nhận của hai bên. Việc phát hiện công tơ điện bị hư hỏng vào ngày 21 nhưng đến ngày 25/11/2019 mới tiến hành xử lý sự cố là có sự chậm trễ, thiếu sót về quy trình xử lý sự cố điện của phía nguyên đơn, nhưng không làm thay đổi việc công tơ điện bị hư hỏng, không ghi được chỉ số điện, cũng không thuộc một trong những hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện được quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

Ngoài ngày 21/10/2019 đã ghi được chỉ số công tơ điện, các bên không cung cấp được tài liệu nào thể hiện chỉ số công tơ điện đã được ghi kể từ ngày 22/10/2019 đến ngày 25/11/2019.

Vì vậy, ngày ghi chỉ chỉ số công tơ điện gần nhất trong trường hợp này được xác định là ngày 21/10/2019. Phía bị đơn cho rằng ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất là ngày 21/11/2019 nhưng không có tài liệu chứng minh chỉ số công tơ ghi được vào ngày 21/11/2019 là không có cơ sở xem xét.

[2.6] Về yêu cầu thanh toán số tiền 50.779.603 đồng:

Như nhận định tại mục [2.3], [2.4], [2.5] công tơ điện bị hư hỏng không lưu lại được thời điểm ngừng hoạt động và được thay thế vào ngày 25/11/2019, ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất là ngày 21/10/2019. Vì vậy, số ngày thực tế sử dụng điện sẽ được tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày 25/11/2019.

Nguyên đơn tính tiền điện tháng 11/2019 theo điện năng bình quân ngày của 03 chu kỳ ghi chỉ số công tơ điện liền kề trước đó là kỳ 9, 10, 11/2019 tương ứng từ ngày 22/7/2019 đến 21/10/2019 nhân với số ngày thực tế sử dụng điện từ 22/10/2019 đến 21/11/2019 (từ ngày 22 đến 25/11/2019 được nhập trực tiếp vào hóa đơn tháng sau), để ra hóa đơn tiền điện số 3161854, kỳ 12/2019, tổng điện năng tiêu thụ 25.906 kWh với tổng số tiền 50.779.603 đồng là đúng quy định được viện dẫn tại mục [2.2]. Việc bị đơn chưa thanh toán tiền điện còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 46 của Luật điện lực.

Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền điện còn nợ của kỳ 12/2019, từ ngày 22/10/2019 đến ngày 21/11/2019, tổng số tiền 50.779.603 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của bị đơn về việc ít sử dụng điện do máy móc hư hỏng trong thời gian công tơ điện bị hư hỏng: theo hóa đơn tiền điện của các tháng 8,9,10/2019 do nguyên đơn cung cấp, việc sử dụng điện của bị đơn trong 04 kỳ liền kề trước và sau sự cố công tơ điện bị hư hỏng được liệt kê như sau:

Kỳ hóa đơn	9 (22/7 - 21/8/2019)	10 (22/8 - 21/9/2019)	11 (22/9 - 21/10/2019)	1 (22/12/2019-21/01/2020)
Số hóa đơn	2672987	2835450	2998432	3325513
Điện tiêu thụ	30.708kWh	25.202kWh	20.972kWh	25.014 kWh

Tiền điện	60.621.378 đ	49.321.300 đ	40.759.231 đ	49.352.629 đ

Như vậy, việc sử dụng điện của bị đơn trong các tháng trước và sau khi điện kế bị hư hỏng là tương đối ổn định. Bị đơn xác nhận vẫn có điện sản xuất bình thường trong thời gian công cơ điện bị hư hỏng. Bị đơn không có tài tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ít sử dụng điện trong kỳ công tơ điện bị hư hòng. Do đó, nội dung trình bày của phía bị đơn là không có cơ sở xem xét.

[4] Ý kiến của bị đơn cho rằng nguyên đơn xác định sai ngày ghi chỉ số công tơ điện gần nhất, căn cứ tính tiền điện không đúng, không có quy định pháp luật áp dụng để giải quyết: ý kiến này của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận như đã nhận định tại phần [2]. Đồng thời, việc bị đơn xác nhận có điện sản xuất bình thường nhưng không thanh toán tiền điện phát sinh sau khi đã sử dụng điện là không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng đã ký, không phù hợp với quá trình thực tế sử dụng điện như nhận định phần [3], không phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ".* Bị đơn trình bày ý kiến nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên phải tự chịu trách nhiệm và Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[6] Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tại phiên tòa là cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 22, Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 46 Luật điện lực;

Áp dụng khoản 3 Điều 20 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền 50.779.603 đồng, là tiền điện còn nợ của kỳ 12/2019 theo Hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất số 17/002917 ngày 07/12/2017, giữa Công ty Đ và Công ty T.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Đ, nếu Công ty T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trả lại cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0076809 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy